

TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG *TRUYỆN KIỀU* VÀ *VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH (VĂN CHIÊU HỒN)* CỦA NGUYỄN DU

Võ Thị Thùy Dung^{a*}

^aKhoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^{*}Tác giả liên hệ: Email: dungytt_nv@dlu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 29 tháng 11 năm 2020 | Chấp nhận đăng ngày 07 tháng 01 năm 2021

Xuất bản trực tuyến ngày 16 tháng 4 năm 2021

Tóm tắt

“Truyện Kiều” và “Văn tế thập loại chúng sinh” là hai tác phẩm có giá trị và ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp sáng tác của đại thi hào Nguyễn Du. Thành công của hai tác phẩm không chỉ đến từ nội dung hay nghệ thuật mà còn đến từ vốn sống, sự am hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc để vận dụng nhuần nhuyễn vào từng câu chữ. Bài nghiên cứu này đi sâu tìm hiểu dấu ấn tín ngưỡng dân gian, cụ thể là tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng thờ con người được phản ánh trong “Truyện Kiều” và “Văn tế thập loại chúng sinh”. Từ đó làm rõ vai trò của sự phản ánh tín ngưỡng dân gian ở hai tác phẩm cả trên khía cạnh văn học lẫn văn hóa.

Từ khóa: Nguyễn Du; Tín ngưỡng dân gian; *Truyện Kiều*; *Văn tế thập loại chúng sinh*.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.801\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.801(2021))

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2021 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC 4.0

THE FOLK BELIEFS IN *THE TALE OF KIEU* AND *THE FUNERAL ORATION TO THE SOULS* BY NGUYEN DU

Vo Thi Thuy Dung^{a*}

^a*The Faculty of Literatures and History, Dalat University, Lam Dong, Vietnam*

^{*}*Corresponding author: Email: dungvtt_nv@dlu.edu.vn*

Article history

Received: November 29th, 2020 | Accepted: January 7th, 2021

Available online: April 16th, 2021

Abstract

“The Tale of Kieu” and “The Funeral Oration to the Souls” are two works of great value and significance in the writing career of the great poet, Nguyen Du. The success of these two works not only comes from their content and artistic composition, but also from the life experiences and deep understanding of the national culture expressed fluently in every word. This article explores the impact of folk beliefs; namely, the cult of nature and religious beliefs that are reflected in “The Tale of Kieu” and “The Funeral Oration to the Souls”. Then, it clarifies the role of folk beliefs in both literary and cultural aspects of the works.

Keywords: Folk Beliefs; *The Tale of Kieu*; Nguyen Du; *The Funeral Oration to the Souls*.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.801\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.801(2021))

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2021 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC 4.0

1. DẪN NHẬP

Đoạn trường tân thanh (*Truyện Kiều*) là thiên tuyệt bút của Nguyễn Du, là “tập đại thành ngôn ngữ” trong kho tàng văn chương dân tộc. Nội dung *Truyện Kiều* xoay quanh số phận nhân vật Vương Thúy Kiều – một cô gái con nhà dòng dõi, tài sắc vẹn toàn. Tuy nhiên, cuộc đời Thúy Kiều gặp nhiều oan trái, phải bán mình chuộc cha và em, phải chịu “*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*” trở thành hạng người “dưới đáy cùng” của xã hội, bị người đời rẻ khinh. Sau 15 năm lưu lạc, Thúy Kiều được đoàn tụ gia đình và tìm được sự bình yên cho tâm hồn. Điểm sáng nhân văn của tác phẩm chính là tấm lòng, là tình yêu thương, sự cảm thông, tiếng nói đòi quyền sống, quyền tự do, tình yêu và hạnh phúc cho con người của đại thi hào Nguyễn Du. Vì lẽ đó mà đã hơn 200 năm trôi qua, *Truyện Kiều* vẫn trở thành đỉnh cao khó vượt qua trong kho tàng văn học Việt Nam.

Dĩ nhiên, không thể không nhắc đến điều đặc biệt làm nên ý nghĩa của tác phẩm, đó chính là sự chuyển tải tư tưởng, tình cảm, văn hóa dân tộc vào từng câu chữ để có về nên hình ảnh nàng Kiều cao đẹp, đáng trân quý nhưng rất gần gũi, đáng được cảm thông yêu thương. Giá trị của *Truyện Kiều* vì thế được nâng tầm, đúng như khẳng định của nhà văn hóa Phạm Quỳnh “Một nước không thể không có quốc hoa, *Truyện Kiều* là quốc hoa của ta; một nước không thể không có quốc túy, *Truyện Kiều* là quốc túy của ta; một nước không thể không có quốc hồn, *Truyện Kiều* là quốc hồn của ta.”¹

Nếu như *Truyện Kiều* là tác phẩm trọn vẹn về thân phận người phụ nữ với bao thăng trầm, nổi nhen thì *Văn tế thập loại chúng sinh* (*Văn chiêu hồn*) lại hơn thế khi đề cập đến thân phận của mười loại người khác nhau trong xã hội cùng những nỗi đau, nỗi oan không người thấu chỉ trong 184 câu văn tế. Có thể nói, với *Văn chiêu hồn*, Nguyễn Du một lần nữa cho thấy trái tim chứa chan yêu thương thân phận con người, mà điểm đặc biệt ở đây là thân phận những người đã khuất, cái còn lại để Nguyễn Du khóc thương chính là cảm nhận về sự lang thang, vất vưởng, đau đáu nỗi niềm của những linh hồn đang bơ vơ trên thế gian.

Được làm theo thể song thất lục bát và viết với mục đích tế “thập loại chúng sinh”, *Văn chiêu hồn* đã miêu tả trọn vẹn nỗi niềm của mười loại linh hồn từ vua quan, tướng lĩnh sa cơ đến kỹ nữ, người bán buôn thất thế hay cả những người cùng khổ, yếu mệnh chết bởi oan khiên tai họa. Hình ảnh xã hội hồn ma ấy chẳng có gì khác trần thế, vẫn tồn tại những khắc khoải về thân phận con người. Điều khác biệt cơ bản với thể giới thực là tất cả chúng sinh đều như nhau, không phân biệt kẻ hèn người sang, kẻ vinh người nhục, họ chung nhau ở sự oan khuất, cô đơn, vất vưởng bụi bờ. Và vì thế, Nguyễn Du xót thương tất cả.

¹ Bài Diễn thuyết về *Truyện Kiều* của Phạm Quỳnh được ông đọc nhân Lễ kỷ niệm ngày giỗ Nguyễn Du (08/12/1924) do Hội Khai trí tiến đức tổ chức.

Thời điểm sáng tác *Văn chiêu hồn* đến nay vẫn chưa có sự đồng thuận trong giới nghiên cứu. Hiện ý kiến nhận được nhiều đồng thuận nhất là của Trần Thanh Mại² khi cho rằng bài văn tế được Nguyễn Du viết sau khi xảy ra một mùa dịch khủng khiếp làm hàng triệu người chết, khắp non sông đất nước âm khí nặng nề, ở khắp các chùa, người ta đều lập đàn giải thoát để cầu siêu cho hàng triệu linh hồn. Về bố cục, bài văn tế chia làm bốn phần: Tả cảnh chiều tháng 7 mưa dầm lạnh lẽo khiến tác giả chạnh lòng thương các linh hồn chúng sinh đang cô đơn, bơ vơ ở cõi âm nên lập đàn cầu siêu; Nêu rõ nguyên nhân thiệt mạng của 10 loại cô hồn; Miêu tả cảnh “sống” vật vờ, thê thảm của 10 loại cô hồn; Cầu xin sự giải thoát của phép Phật nhiệm màu, mời các cô hồn nhận lễ cúng siêu độ.

Như thế, những người được nhắc đến trong bài văn tế là người đã khuất mà sự tồn tại của họ, mối liên hệ giữa họ và thế tục chỉ có thể được kết nối bằng nghi lễ, thông qua sự cộng cảm về tinh thần bởi sự hư ảo của thế giới cõi âm. Điều này phản ánh rất rõ một phần quan trọng trong văn hóa Việt, đó là niềm tin và cách ứng xử với các thế lực siêu nhiên mà con người tin rằng luôn song hành tồn tại cùng thế giới đời thực. Vì thế, ngoài giá trị văn học, tác phẩm còn chứa đựng giá trị văn hóa phản ánh đời sống tâm linh gắn với tín ngưỡng của người dân đất Việt.

2. DẤU ẤN TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG *TRUYỆN KIỀU* VÀ *VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH*

2.1. Tín ngưỡng dân gian

Con người luôn có nhu cầu nhận thức tự nhiên và xã hội để có cách ứng xử phù hợp, thích nghi với môi trường đang sống. Tín ngưỡng chính là một trong những kết quả đúc kết mối quan hệ con người với hiện thực dựa trên trình độ nhận thức trong một khoảng không thời gian nhất định đúng như quan điểm “Tín ngưỡng là một hình thức thể hiện niềm tin vào cái thiêng liêng của con người, của cộng đồng người nào đó ở một trình độ phát triển xã hội cụ thể” (Ngô, 2012, tr. 11). Theo nhận định này, tín ngưỡng bao gồm hai khía cạnh đáng chú ý là *niềm tin* và *hình thức thể hiện*.

Ở đây, niềm tin cụ thể hướng đến *cái thiêng liêng*. Cái thiêng là phạm trù khó lý giải bởi trong tư duy con người, cái thiêng thuộc thế giới siêu nhiên, khó nắm bắt, đối lập với thế giới trần tục. Niềm tin vào cái thiêng là cốt lõi của tín ngưỡng. Trên cơ sở niềm tin vào cái thiêng liêng, con người thể hiện niềm tin bằng hình thức nào đó, rõ nét nhất là thờ cúng nhằm cầu mong sự bình yên.

Với riêng Việt Nam, do nằm ở “ngã ba đường” nhiều nền văn hóa và văn minh, có điều kiện giao lưu, tiếp xúc, chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa lớn trong khu vực cũng như quốc tế nên khá đa dạng về tôn giáo tín ngưỡng. Tuy nhiên, cơ sở nền tảng của văn hóa tinh thần Việt Nam lại chính là tín ngưỡng dân gian. Đó là sản phẩm kết tinh tư tưởng, tình cảm của người Việt trong mối quan hệ giữa con người với con người,

² Đông Dương tuần báo (1939).

con người với tự nhiên trong một giai đoạn nhất định – giai đoạn tín ngưỡng người Việt chưa chịu ảnh hưởng của bên ngoài, chưa hình thành hệ thống, nói khác hơn, “Tín ngưỡng khi chưa thành tôn giáo sơ khai hay tôn giáo dân gian thì bản thân nó là tín ngưỡng dân gian” (Nguyễn, 2004).

Theo thời gian, cùng với quá trình giao lưu, nhiều lớp văn hóa đã tích hợp hoặc có sự chồng lấp lên một tín ngưỡng nào đó. Vì thế việc tách bạch rạch ròi là điều khó có thể. Do đó sự nhận diện, phân loại cũng như đánh giá tín ngưỡng dân gian người Việt cũng chỉ dừng lại ở mức tương đối. Có nhiều cách phân loại tín ngưỡng dân gian Việt Nam, tựu chung lại cách phân loại nhận được nhiều sự đồng thuận là cách chia thành ba loại: Tín ngưỡng phồn thực thờ sự sinh sôi nảy nở; Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên; Tín ngưỡng thờ con người. Trong đó có hai tín ngưỡng phổ biến nhất là sùng bái tự nhiên và thờ con người.

Với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, cơ sở giúp hình thành tín ngưỡng này là sự hạn chế trong nhận thức của con người trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Lúc này, khi đứng trước thế giới tự nhiên bao la nhưng cũng đầy bất trắc, sự hình dung về một thế lực thần linh đầy quyền năng trong tự nhiên có thể chi phối, tác động đến con người càng rõ nét dần. Và để có thể yên ổn trong chặng đường sinh tồn, con người đã tôn thờ thế lực tự nhiên ấy như một điều tất yếu.

Tín ngưỡng thờ con người lại xuất phát trên cơ sở niềm tin về sự tồn tại của linh hồn sau khi chết. Niềm tin đó được phát triển theo thời gian “Bắt đầu hình thành ảo tưởng về phần xác và phần hồn, hồn gắn với xác, ở trong xác; sau hồn có thể tách ra khỏi xác, hồn là hồn, xác là xác; rồi hồn cao hơn phần xác, tách khỏi xác, xác bị hủy hoại rồi hồn vẫn còn” (Mai, 2006, tr. 302). Như vậy, con người tin vào sự tồn tại của yếu tố khác ngoài yếu tố thể xác đang hiện hữu. Yếu tố ấy quan trọng hơn thể xác và có khả năng chi phối sự tồn tại của thể xác. Theo S. Freud, giấc mơ là cơ sở của tín ngưỡng hồn linh. Đồng thời cũng là cơ sở để khẳng định sự bất tử của linh hồn kể cả khi thể xác đã tiêu tan. Linh hồn vẫn tiếp tục đời sống của nó sau khi rời bỏ thể xác, vẫn có khả năng tác động đến những người xung quanh và trở thành nỗi sợ hãi với người còn sống.

Thờ cúng linh hồn là dấu hiệu rõ nét nhất của tín ngưỡng này, đó có thể là hồn của tổ tiên, ông bà, hồn của những người có công hoặc thậm chí cả linh hồn ma, quỷ luôn làm hại con người. Việc thờ cúng nhằm tránh điều xấu, cầu mong linh hồn “phù hộ” bởi niềm tin hồn có thể đem lại may mắn hay xui rủi cho con người. Nhìn chung, “Những thuộc tính và những biểu hiện khác của sự sống đã được đưa vào khái niệm về linh hồn, hay ma” (Tylor, 2001, tr. 516).

2.2. Các tín ngưỡng dân gian trong *Truyện Kiều* và *Văn tế thập loại chúng sinh*

2.2.1. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

Như đã trình bày ở trên, nhận thức hạn chế thuở sơ khai khi đối diện với tự nhiên là cơ sở tạo nên niềm tin và sự tôn thờ các vị thần trong tự nhiên. Trong số đó, không thể không nhắc đến Trời (Ông Trời). Nhìn chung, Trời là thần linh được kính sợ

nhất, có vị trí đặc biệt, chi phối mạnh mẽ nhất đời sống con người trong các nhiên thân của người Việt.

Toàn bộ *Truyện Kiều* ghi lại 15 năm đoạn trường của Thúy Kiều bị chà đạp bởi bao thế lực như bọn quan lại, những kẻ “bán phần buôn hương”, đồng tiền. Các thế lực ấy có thực, nhưng Nguyễn Du lý giải việc nàng Kiều phải nhận những điều cay đắng, cơ cực ấy là do trời, ý trời:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao*
(Nguyễn, 1996, tr. 303)

Với cách lý giải này, có thể thấy mọi điều xảy ra cho con người đều do thế lực siêu hình trên cao quyết định. Điều này góp phần khẳng định sự chi phối mạnh mẽ của tín ngưỡng sùng bái tự nhiên trong tư duy người Việt. Dõi theo mạch *Truyện Kiều*, bóng dáng Trời xuất hiện từ mối nhân duyên gặp gỡ của Kim-Kiều “*Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây*” đến mối họa tự dung giáng xuống gia đình Kiều khiến nàng phải bán mình chuộc cha, gia đình tan nát:

*Trời làm chi cực bấy trời
Này ai vu thác cho người hợp tan*
(Nguyễn, 1996, tr. 104)

Trong bước đường lưu lạc, tất cả những hợp tan may rủi đều được tin rằng do sự sắp đặt “*Rủi may âu cũng sự trời*” (Nguyễn, 1996, tr. 116). Ngay cả sư Giác Duyên, người cứu Thúy Kiều khỏi sông Tiền Đường cũng khẳng định mọi điều là do Trời, là “đạo trời”: “*Sư rằng: Họa phúc đạo trời*” (Nguyễn, 1996, tr. 262). Niềm tin mọi sự do trời định đoạt khiến Thúy Kiều dù từng muốn buông xuôi, muốn “liều một phen” để chấm dứt cuộc đời nhục nhã, ê chề nhưng rồi cũng đành dừng lại, bởi nàng hiểu “*Người dù muốn quyết, trời nào đã cho!*” (Nguyễn, 1996, tr. 132). Không những thế, sự chi phối ấy còn mạnh mẽ đến nỗi Thúy Kiều hiểu được “*Biết thân chạy chẳng khỏi trời*” (Nguyễn, 1996, tr. 224) nên cứ đón nhận, thậm chí chịu đựng. Bởi lẽ, dù thế nào nàng vẫn tin Trời chỉ thử thách lòng người, suy cho cùng Trời vẫn là đáng tối cao luôn công minh soi sáng, giúp con người tìm được lẽ công bằng dầu có rơi vào bế khổ. Đó là lý do giải thích tại sao khi bị Bạc Bà ép lấy cháu bà ta là Bạc Hạng, dù đón đau, xót xa Kiều vẫn nhận lời, vẫn tin:

*Chứng minh có đất có trời
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì?*
(Nguyễn, 1996, tr. 222)

Đường như, trong *Truyện Kiều*, để minh chứng cho tấm lòng của con người, Trời luôn trở thành một “chứng nhân” đáng tin cậy. Và vì thế, chuyện thề nguyện trở thành chi tiết khá quen thuộc để các nhân vật bộc lộ cái “tâm” của bản thân. Lý giải cho lý do tại sao lại là lời thề trước Trời đất, có lẽ không có lời giải thích nào thuyết phục hơn là niềm tin tín ngưỡng về Trời đã chi phối. Con người tin khi đã thốt ra lời thề thì người chứng giám sẽ là một thể lực siêu nhiên, cụ thể ở đây là Trời, nếu người thề trái lời sẽ bị trừng phạt. Vì không thể trái lời, và nếu có trái thì cứ day dứt khôn nguôi nên lời thề Kim-Kiều trở thành nỗi đau cho cả hai bởi sự không trọn vẹn. Sau này, Thúc Sinh khi minh chứng tình yêu với Thúy Kiều cũng đã mượn lời thề để thể hiện tấm lòng. Đáng chú ý, cả những kẻ xấu như Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Hạnh... đều là những kẻ thề thốt trước Kiều để nòng tin “tấm lòng” của họ. Thật ra, điều này không khó hiểu bởi Thúy Kiều là người trân trọng sự thiêng liêng, tin vào giá trị của lời thề nên đó chính là “điểm yếu” khiến cho những kẻ xấu lợi dụng để lừa nòng tin theo. Họ đều lấy sự chứng giám của trời đất, quỷ thần trong lời thề, từ Tú Bà: “*Mai sau ở chẳng như lời/ Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi*” (Nguyễn, 1996, tr. 134) đến Mã Giám Sinh “*Mai sau dầu đến thế nào/ Kia gương nguyệt nhật, nọ dao quỷ thần*” (Nguyễn, 1996, tr. 123) hay Bạc Hạnh “*Bạc sinh quỳ xuống vội vàng/ Quá lời nguyện hết Thành Hoàng Thổ công*” (Nguyễn, 1996, tr. 222). Có lẽ vì thế mà khi báo ân báo oán, Kiều đã xử những kẻ bạc ác, hãm hại mình thẳng tay:

Lệnh quân truyền xuống nội đao

Thề sao thì lại cứ sao gia hình

(Nguyễn, 1996, tr. 242)

Thật ra, nhìn theo khía cạnh tâm linh, thì kết cục dành cho những kẻ đó là đương nhiên khi họ đã phản bội lời thề, nói khác hơn là đã “mượn” thể lực siêu nhiên để phục vụ mưu đồ của mình nên chuyện “ác giả ác báo” phải chịu sự trừng phạt là không thể tránh khỏi. Thông qua chi tiết Thúy Kiều báo ân, báo oán chúng ta lại một lần nữa nhận ra dấu ấn niềm tin tín ngưỡng của người Việt ẩn sau câu chuyện về đối nhân xử thế và các mối quan hệ xã hội trong tác phẩm.

Tóm lại, trong toàn bộ *Truyện Kiều*, Trời được nhắc đến 82 lần (Đào, 1974). Trời như là “sợi chỉ vô hình” nhưng xuyên suốt kết nối tác phẩm, để lý giải cho những vui buồn, được mất, gặp gỡ, chia ly. Cao hơn cả vẫn là niềm tin vào sự chứng giám của Trời để cuối cùng con người sẽ được đền đáp xứng đáng. Nhìn từ góc độ văn hóa, có thể thấy quan điểm này mang đậm dấu ấn tín ngưỡng dân gian của người Việt, cụ thể ở đây là tín ngưỡng thờ tự nhiên, thờ nhiên thần. Dầu rằng mơ hồ nhưng Trời vẫn chiếm một vị trí trung tâm trong đời sống tinh thần, tâm linh của con người, đặc biệt trong *Truyện Kiều*.

Quả thật, đúng như nhận định của học giả L. Cadière:

Ý niệm về Trời của người Việt hiện nay cũng na ná gần giống với các dân tộc sơ cổ. Trời không phải là một vị thần. Trong ngôn ngữ bình dân người ta gọi là “Ông Trời” và xem như là một hữu thể siêu việt.... Họ xem Trời như là một

nguyên lý an bài của con người, như là nguyên nhân nội tại của những gì đang xảy ra ở trần thế, của mọi sinh tử, mọi khổ đau, mọi hạnh phúc, của giàu sang phú quý... Họ kêu Trời chứng giám, vì Trời không xa ta; Trời thấy hết, biết hết mọi hành vi, thấu hiểu mọi tâm tư suy nghĩ. Họ kêu Trời vì Trời tốt lành, nhân hậu. Họ xin Trời trợ giúp vì Trời toàn năng... Trời soi xét, nghĩ suy và xét xử. Trời công bằng, thưởng lành phạt dữ (Đỗ, 2006, tr. 139).

2.2.2. Tín ngưỡng thờ con người

Niềm tin vào sự tồn tại của thể xác và linh hồn là nền tảng để con người thờ cúng linh hồn nhằm cầu mong bình yên, tránh xui rủi cho người sống và giúp linh hồn siêu thoát, bình yên ở cõi âm. Tùy theo sự thành tâm của người sống mà hồn người đã khuất có thể về báo mộng, báo điềm lành điềm dữ nhằm giúp người sống theo đó mà ứng xử. Đây là điểm đặc trưng trong tín ngưỡng thờ linh hồn của người Việt. Tín ngưỡng này biểu hiện trong *Truyện Kiều* dưới hình thức thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ linh hồn con người và bóng dáng hồn ma, sự báo mộng của người đã khuất, tiêu biểu nhất là hồn ma Đạm Tiên xuyên suốt chặng đường trần lặn dận của Thúy Kiều.

Qua *Truyện Kiều*, cuộc đời Đạm Tiên được miêu tả thật bất hạnh:

Sống làm vợ khắp người ta,

Khéo thay thác xuống làm ma không chồng

(Nguyễn, 1996, tr. 54)

Cả đời đau khổ đến nỗi khi chết đi hồn nàng vẫn không siêu thoát, vẫn vương vất cõi trần. Chính nén nhang, giọt nước mắt đồng cảm xót xa cho thân phận Đạm Tiên của Thúy Kiều đã khiến nàng “theo” Kiều để báo mộng cho những “khúc đoạn trường” mà Kiều trải qua. Và đó cũng là sự “nhắc nhở” về phận bạc mà Thúy Kiều phải vương mang, phải trả, không thể tránh. Vì thế, bóng ma Đạm Tiên dù vô hình, mơ hồ nhưng lại có sức nặng khi trở thành “sợi dây” kết nối cho tư tưởng:

Đau đớn thay phận đàn bà

Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu

(Nguyễn, 1996, tr. 54)

Hồn ma Đạm Tiên bốn lần xuất hiện trong truyện, nếu lần đầu chỉ là cảm giác trong buổi chiều thanh minh “*Áo ào đổ lộc rung cây*” thì ba lần sau hiển hiện, rõ ràng trong giấc mộng, thậm chí còn đề can ngăn Thúy Kiều không được chết để trả nợ:

Rĩ rằng: nhân quả dở dang,

Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao

(Nguyễn, 1996, tr. 131)

Có thể nói, bóng ma Đạm Tiên đã “đồng hành” cùng nàng Kiều trong bước đường lưu lạc như sự đối ứng về thân phận con người. Qua đó, niềm tin vào số trời, mệnh trời, vào một thế lực siêu hình càng rõ nét hơn, minh chứng qua số câu Nguyễn Du dành cho hai người con gái bạc mệnh “Nguyễn Du đã dành tới 230 câu thơ để tả sự liên kết giữa Thúy Kiều và hồn ma Đạm Tiên: Kiều gặp mộ Đạm Tiên (câu 51-116); Đạm Tiên hiện về (câu 117-134); Kiều thương cho số phận Đạm Tiên (câu 171-184); Kiều mơ gặp Đạm Tiên và buồn cho số phận mình (câu 185-242); Kiều tự tử, Đạm Tiên báo mộng (câu 985-1004); Kiều tự tử được cứu, Đạm Tiên báo mộng (câu 2695-2738)” (Hoàng, 2010, tr. 54).

Bàn về niềm tin vào sự tồn tại của linh hồn sau khi chết, không thể không nhắc đến đoạn miêu tả Thúy Kiều trao duyên cho Thúy Vân. Nàng Kiều đau đớn cho phận mình, xem như mình đã chết sau khi trao duyên, thế nhưng nàng tin cái chết đó vẫn chưa chấm dứt nỗi đau, mà nỗi đau đó linh hồn sẽ tiếp tục chịu, bởi đó là linh hồn kẻ chết oan, linh hồn không thể siêu thoát:

Thấy hiu hiu gió thì hay chị về

Hồn còn mang nặng lời thề

(Nguyễn, 1996, tr. 111)

Dù vậy, niềm an ủi duy nhất của nàng là hi vọng niềm vui nơi cõi âm bởi đã làm tròn chữ hiếu, làm vẹn chữ tình “*Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây*” (Nguyễn, 1996, tr. 110).

Ngoài ra, sự kết nối người sống-người chết, cõi âm-cõi dương trong tác phẩm thể hiện ở hình thức cầu cúng gọi hồn. Đó là lý do Thúc Sinh nhờ đạo sĩ lập đàn tìm hồn nàng Kiều:

Sấm sanh lễ vật đưa sang,

Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han

(Nguyễn, 1996, tr. 189)

Tương tự, Kim Trọng cũng từng lập đàn chiêu hồn, giải oan cho nàng Kiều. Rõ nét hơn là việc tổ chức tang ma, thờ cúng linh hồn người chết. Theo quan niệm dân gian, cõi âm cũng không khác gì cõi dương, để linh hồn có thể “sống” tốt ở thế giới bên kia, cũng cần cung cấp đủ quần áo, nhà cửa, tiền bạc... bằng giấy tượng trưng, đó là nguồn cơn của tục đốt vàng mã khi cúng bái người chết. Điều này có thể thấy rõ qua miêu tả về khung cảnh ngày Tết Thanh minh trong *Truyện Kiều*:

Ngón ngang gò đồng kéo lên,

Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay

(Nguyễn, 1996, tr. 51)

Với *Văn chiêu hồn*, Nguyễn Du cũng đề cập đến việc làm cho các cô hồn có thể được đầy đủ về vật chất bằng cách “gửi” cho họ chút của mọn lòng thành:

Gọi là manh áo thoi vàng

Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên.

(Nguyễn, 1996, tr. 408)

Niềm tin “trần sao âm vậy” đã chi phối việc tổ chức tang ma và các hình thức cúng bái, đốt vàng mã cho người chết. Điều này ít nhiều được tái hiện trong các trang viết của đại thi hào. Tuy nhiên, nếu trong *Truyện Kiều* dấu ấn tín ngưỡng thờ linh hồn chủ yếu thể hiện qua nhân vật Đạm Tiên thì trong *Văn chiêu hồn*, thế giới linh hồn được khái quát rõ nét hơn. Chính niềm tin sâu sắc vào sự tồn tại linh hồn trở thành nguồn mạch cho những dòng *Văn chiêu hồn* đầm lệt, chứa chan tình yêu thương của Nguyễn Du. Dưới ngòi bút của ông, thế giới ấy có linh hồn đủ mọi kiếp người, khi còn sống, họ là mọi hạng người trong xã hội nhưng khi chết đi, ranh giới đã bị xóa nhòa:

Còn chi ai khá ai hèn

Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu

(Nguyễn, 1996, tr. 402)

Nơi cõi âm, họ gặp nhau ở điểm chung là đều trở thành những cô hồn lang thang vất vưởng. Thống kê lại, trong *Văn chiêu hồn*, “hồn” được nhắc đến bảy lần để miêu tả cõi âm với những “*hồn đơn phách chiếc*”, “*hồn mồ côi*”, “*ma oan hồn*”, “*hồn ngẩn ngơ*”, “*cô hồn thất thiếu*”, “*cô hồn gửi nhờ tha phương*”. Tất cả đều đau khổ, đều rơi vào cảnh cô độc “*Thở than dưới đất ăn nằm trên sương*”.

Khi viết *Văn chiêu hồn*, mục đích của Nguyễn Du là cầu mong cho những linh hồn cô đơn vất vưởng có thể được siêu thoát. Bởi, theo quan niệm, sau khi chết linh hồn sẽ được đi qua Cầu Nại Hà³ để vào đường đầu thai sang một kiếp khác, hoặc có thể lên trời, xuống địa ngục tùy thuộc những điều tốt xấu lúc sống làm ra. Tuy nhiên, những linh hồn bị chết oan hoặc do vấn đề nào đó chưa được cõi nào tiếp nhận sẽ lang thang vất vưởng bụi bờ, phải chịu đói rét lạnh lẽo, vì thế họ được gọi là *cô hồn*. Điều này được Nguyễn Du miêu tả, nhấn mạnh:

Cô hồn thất thiếu dọc ngang

Nặng oan khôn lẽ tìm đường hóa sinh?

(Nguyễn, 1996, tr. 403)

³ Cầu Nại Hà là cây cầu ở Địa ngục thứ 10 bắt qua Vong Xuyên và được xem như ranh giới cuối cùng của Địa ngục. Những linh hồn sau khi đi qua cầu Nại Hà sẽ phải lựa chọn hoặc là uống một loại nước (canh Mạnh Bà) để quên đi mọi thứ từ kiếp trước và bắt đầu một kiếp mới, hoặc là không uống, nhưng họ sẽ không được đầu thai ngay mà phải chịu đựng nỗi đau vô ngần nằm dưới dòng Vong Xuyên (“Nại Hà”, 2020)

Chính sự oan khiên là nguyên cớ cho sự nặng lòng với trần gian khiến linh hồn phải vạ vật khắp chốn, phải “ăn ngang bờ dọc bụi”, “nuơng ngọn suối chân mây”, “ngần ngơ dòng suối rừng sim”, “nhờ đầu suối cuối sông”, “trong quăng đồng không”, “nơi gò đồng”, “vùng lau tre”. Vì thế, cầu cúng cho những linh hồn đó sẽ tạo chỗ dựa, giúp các linh hồn thoát khỏi sự đói khát, cao hơn sẽ tìm được con đường siêu thoát. Trong *Văn chiêu hồn*, Nguyễn Du đã chỉ ra con đường cụ thể là nuơng nhờ cửa Phật:

Tiết đầu thu lập đàn giải thoát

Nước tĩnh bình rưới hạt dương chi

Muôn nhờ đức Phật từ bi,

Giải oan, cứu khổ, hồn về Tây phương

(Nguyễn, 1996, tr. 402)

Có ý kiến cho rằng, với tác phẩm này, Nguyễn Du mượn cảm hứng từ lý thuyết cứu khổ, cứu nạn của nhà Phật để giải tỏa mọi khổ đau trong dân chúng. Điều này có lẽ chỉ hợp lý một phần, phần còn lại, theo chúng tôi, là do chính những suy tư trong đời sống tâm linh của nhà thơ đã khiến trái tim đa sầu đa cảm của ông có thể thấu cả những nỗi niềm của những bóng, những hình của cõi âm u mịt mờ để từ đó viết nên bài văn tế lay động lòng người, xót xa trong từng câu chữ. Đến tận hôm nay, khi khoa học kỹ thuật đã phát triển, nhiều “bức màn” bí ẩn đã được khoa học hé mở nhưng niềm tin vào linh hồn, vào cõi âm và những thực thể siêu nhiên vẫn hiện diện trong đời sống người dân đất Việt. Điều này không khó hiểu bởi khoa học có phát triển đến đâu chăng nữa thì con người vẫn phải chấp nhận sự hữu hạn của cuộc đời, vẫn trải qua những bất trắc âu lo mà chỉ những điểm tựa về mặt tâm linh mới có thể “giải tỏa” được. Và vì thế, tín ngưỡng dân gian nói chung, tín ngưỡng thờ con người với niềm tin vào sự tồn tại linh hồn nói riêng sẽ vẫn tồn tại như một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa người Việt.

3. VAI TRÒ CỦA SỰ PHẢN ÁNH TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG TRUYỆN KIỀU VÀ VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

3.1. Ở khía cạnh văn học

Thời đại Nguyễn Du sống là thời đại lịch sử đầy biến động và bản thân cuộc đời Nguyễn Du cũng trải qua rất nhiều thăng trầm. Thông qua *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã vẽ nên một bức tranh xã hội phong kiến thối nát, ở đó quyền sống con người bị chà đạp, số phận con người thật mong manh, nhỏ bé. Họ bị nhiều thế lực “quăng quật” đến xác xơ, tan nát, mà những người phụ nữ, người tài sắc là nạn nhân thâm nhất. Những tình tiết gắn với tín ngưỡng dân gian được phản ánh trong tác phẩm đã góp phần miêu tả tầng sâu đời sống tinh thần, xoáy vào nỗi niềm sâu xa, sự đấu tranh, day dứt của con người, cụ thể ở đây là Thúy Kiều khi đứng giữa ranh giới được-mất, sống-còn, khổ đau-hạnh phúc, đón nhận-từ bỏ. Đáng nói hơn, chính ranh giới thật ảo đời lúc bị xóa nhòa đó đã giúp nàng Kiều thêm mạnh mẽ để trải 15 năm đoạn trường theo như lời hồn ma Đạm Tiên báo trước. Niềm tin “trời cao có mắt” cũng giúp cho nhân vật có những chuyển biến, suy tư mang tính tích cực hơn. Và xuyên suốt câu chuyện về cuộc đời nàng Kiều,

dầu tác giả không khẳng định, nhưng chính những yếu tố tín ngưỡng dân gian được đưa vào tác phẩm đã góp phần đưa tư tưởng “tài mệnh tương đố” “hồng nhan bạc phận” của Nguyễn Du trở nên rõ ràng, dễ cảm nhận hơn. Trái với *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* không phải là câu chuyện chứa đựng diễn biến và các tình tiết cụ thể nhưng dường như bức tranh cả xã hội loài người với những cảnh đời, những số phận đều lần lượt được Nguyễn Du nhắc đến, vẽ nên. Có thể thấy, nếu không mượn hình thức “chiêu hồn”, không đưa tín ngưỡng dân gian vào thì có lẽ Nguyễn Du không thể làm nên thành công của tác phẩm, bởi thế giới mà Nguyễn Du miêu tả là thế giới thuộc về đời sống tâm linh, một thế giới phi thực tế nhưng có thể lay động thế giới thực, thế giới ít người đi sâu, thế giới của những phận đời run rẩy đúng như Chế Lan Viên khẳng định “Nghĩ mà xem, trước “Chiêu hồn” chưa hề có bài văn nào đem cái “run rẩy mới” ấy vào văn học. Sau “Chiêu hồn”, lại càng không. “Truyện Kiều” nâng cao lịch sử thơ ca, thì “Chiêu hồn” đã mở rộng địa dư của nó qua một vùng xưa nay ít ai động tới: cõi chết” (Ngô, 1999, tr. 245).

Ngoài ra, liên tưởng đến thời đại “dâu bể” mà cuộc đời Nguyễn Du trải qua, có lẽ dễ dàng nhận ra tại sao Nguyễn Du viết rất hay, rất thấm về thân phận con người. Nhưng dưới “vòng cương tỏa” của xã hội, của những định kiến, liệu rằng tác giả có thể nói hết những điều mình nghĩ, mình muốn nói. Câu trả lời là không, và vì thế, những chi tiết mang tính huyền ảo của tín ngưỡng dân gian bên cạnh là chất liệu đời sống lại trở thành “phương tiện nghệ thuật” không thể thiếu giúp Nguyễn Du gửi gắm tình yêu thương, sự xót xa và cả những ước mong hạnh phúc đến các phận người có thể còn sống hoặc đã chết nhưng vẫn đau đáu những nỗi niềm nhân tình thế thái. Điều này có thể cảm nhận rõ trong cả *Truyện Kiều* lẫn *Văn chiêu hồn*, những không gian của đời thực nhưng mang yếu tố tâm linh, dễ dàng là nơi để thân thánh, linh hồn và người chết có thể gặp nhau, giao cảm như bài tha ma, đường vắng... những thời gian mà thực ảo khó phân, u u minh minh như đêm vắng, chiều tàn.... cũng được Nguyễn Du sử dụng triệt để. Việc kết hợp không gian, thời gian cùng với những yếu tố tâm linh đã khiến cả hai tác phẩm, đặc biệt *Văn chiêu hồn* có những đoạn khó phân thực-ảo. Nói ảo nhưng lại rất thực, phản ánh hiện thực nhưng dưới hình thức rất ảo. Có thể khẳng định, tín ngưỡng dân gian của người Việt đã được ngòi bút của Nguyễn Du “lồng” vào một cách tài tình để giúp tác giả có thể chuyên chở hết cái tài, cái tình và cả cái tâm của ông đối với mọi kiếp người. Và vì thế, cả hai tác phẩm đều làm nên tên tuổi Nguyễn Du, đều được nhớ mãi, bởi “Với Kiều, Nguyễn Du đã nói đến cả xã hội loài người, với Chiêu hồn thì cả loài người được bàn đến. Truyện Kiều con người lúc sống, Chiêu hồn, con người trong cái chết. Truyện Kiều, con người với tên tuổi, cá tính riêng biệt, có không gian sống, có thời gian họ qua, Chiêu hồn là cả một cách phổ biến điển hình của từng giới, từng người, từng loài được nói đến” (Ngô, 1999, tr. 152).

3.2. Ở khía cạnh văn hóa

Điều đầu tiên có thể khẳng định là sự phản ánh tín ngưỡng dân gian trong sáng tác của Nguyễn Du đã giúp khẳng định dấu ấn văn hóa dân tộc thông qua văn chương. Việc tác giả mượn cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân để viết nên *Truyện Kiều* là một sự thật, những nhân vật, những địa danh trong tác phẩm mang đậm dấu ấn Trung Quốc cũng là điều không thể chối cãi. Tuy nhiên, nếu chỉ có thế, *Truyện Kiều* không thể trở

thành “sách gối đầu giường” của biết bao người Việt, và lại càng không thể được khẳng định “*Truyện Kiều* là tác phẩm kỳ diệu của nền văn học Việt Nam, một thi phẩm tuyệt vời mang tinh thần dân tộc” (Phạm, 2015). Thật vậy, mượn cốt truyện nhưng điều làm nên giá trị *Truyện Kiều* chính là tinh thần dân tộc, rõ hơn là văn hóa dân tộc, trong đó có tín ngưỡng dân gian. Nếu màu sắc của Nho Phật Đạo bàng bạc trong *Truyện Kiều* có thể được xem là ảnh hưởng Trung Quốc thì dấu ấn của tín ngưỡng dân gian như thờ nhiên thần, thờ linh hồn với những yếu tố rất riêng như tang ma, cúng bái, cầu khẩn, nhang khói, lập bàn thờ....lại phản ánh văn hóa người Việt, những con người vốn có đời sống tâm linh phong phú, chứa đựng những giá trị văn hóa dân tộc lưu truyền tự bao đời. Với *Văn chiêu hồn*, niềm tin vào những cô hồn lang thang không siêu thoát cần được siêu sinh trở thành cơ sở cho tục cúng cô hồn, lập đàn giải oan, cầu hồn... điều này không hề xa lạ trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt. Nhất là trong thời đại mà khoa học kỹ thuật chưa phát triển, còn hạn chế thì niềm tin tín ngưỡng, tin vào các thế lực siêu nhiên vừa chứa đựng sự tôn kính vừa xen lẫn nỗi sợ hãi phổ biến không chỉ trong tầng lớp bình dân mà còn đối với cả các tầng lớp khác. Thật ra, xét một cách khách quan, đó chính là sự tương tác, là văn hóa ứng xử của con người với con người, con người với môi trường xung quanh nhằm tạo nên tầng vững chắc để có thể sinh tồn suốt tiến trình lịch sử. *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* vì thế trở nên gần gũi với mọi người dân Việt bởi mỗi người đều có thể nhìn thấy bóng dáng đời sống tinh thần mình, thấy niềm tin, thấy cách hành xử của dân tộc mình trong đó nhằm có điểm tựa tinh thần để đối mặt với những bất trắc trong cuộc đời. Hình thức bói Kiều, lấy Kiều, vịnh Kiều... hay dùng *Văn chiêu hồn* để làm văn cúng trong đời sống văn hóa người Việt là dấu ấn rõ nhất cho giá trị văn hóa của hai tác phẩm mang tầm thời đại này.

Bên cạnh đó, có thể thấy tín ngưỡng dân gian tồn tại trong đời sống văn hóa tâm linh không chỉ là điểm tựa mà còn chứa đựng những chuẩn mực đạo đức, bài học về triết lý nhân quả để hướng thiện, giúp con người sống tốt đẹp hơn, mạnh mẽ đối diện khó khăn và thử thách. Với niềm tin về các vị thần cai quản, trong đó có Trời, người Việt hình thành cách ứng xử luôn hướng về Trời, tin ở Trời. Trong *Truyện Kiều*, những câu thơ phản ánh sự chi phối của Trời khá nhiều, nhất là trong những lúc niềm tin bị đánh mất, khi rơi vào cùng cực khổ đau, khi không thể thấu được lòng người thì niềm tin “trời cao có mắt” luôn hiển hiện để con người sống đúng, như nàng Kiều tin rằng tâm mình được “*Chứng minh có đất có trời*”, “*Dưới dày có đất, trên cao có trời*” mới có thể tiếp tục trải qua những tháng ngày tủi nhục. Chính Kim Trọng khi đoàn viên cùng Thúy Kiều cũng khẳng định: “*Trời còn để có hôm nay...*” (Nguyễn, 1996, tr. 293).

Qua những khổ đau, mất mát, con người sẽ được hưởng niềm vui hạnh phúc là do trời, nhờ trời thấu hiểu và đền trả xứng đáng. Có thể thấy tin vào mệnh trời ở đây không hề yếm thế mà ngược lại, hướng con người sống tích cực, sống đẹp hơn và mạnh mẽ hơn.

Không những thế, niềm tin vào linh hồn đã giáo dục cách ứng xử có tình, có nghĩa sau khi người sống đã khuất. Nhất là trong *Văn chiêu hồn*, việc lập đàn giải oan cho các cô hồn lang thang, vất vưởng không nơi nương tựa bên cạnh niềm tin giúp những linh hồn ấy có thể siêu thoát thì ẩn sâu lại là một cách giáo dục độc đáo. Đó là khi sống có thể là đủ mọi loại người, có hiền có dữ, có lành có ác nhưng khi đã khuất thì

ai cũng như ai, đều đáng được xót thương cứu giúp. Điều này phản ánh rõ tư duy của người Việt “nghĩa tử là nghĩa tận”, khi đã khuất chuyện không tốt không nhắc đến, điều còn lại chỉ là tình cảm, là sự xót thương:

Năm năm xương trắng dải dầu

Nào câu điệu tế, nào đâu chưng thờ!

(Nguyễn, 1996, tr. 404)

Ngoài ra, việc cầu hồn lập đàn giải oan như trong *Truyện Kiều* và *Văn chiêu hồn* lại cũng là một cách giáo dục người đang sống, đó là giúp những người đã khuất, dù xấu, vẫn có cơ hội “làm lại cuộc đời”, dẫu có gặp oan khiên gì cũng sẽ được giải. Nói khác hơn, cách lập đàn giải oan cho mọi kiếp người không phân chính tà, tốt xấu là ứng xử theo đức khoan dung, giải mà không kết. Hơn thế, những hình thức liên quan đến niềm tin vào linh hồn như tổ chức tang ma, thờ cúng, thăm mộ mả, cầu cúng trong *Truyện Kiều* cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa người sống và người chết, đồng thời tạo sự cộng cảm giữa con người với nhau. Bên cạnh đó còn là cách giáo dục con người về đạo hiếu, về lòng biết ơn với ông bà tổ tiên và những người đã khuất. Điều này đúng với tinh thần và quan điểm “uống nước nhớ nguồn” tồn tại như một nét đẹp trong dòng chảy văn hóa suốt bao đời của người Việt Nam.

4. KẾT LUẬN

Có thể khẳng định, giá trị tác phẩm văn chương không hẳn nằm ở mặt nội dung và nghệ thuật mà cao hơn, nằm ở tầm văn hóa. Tác phẩm muốn có sự trường tồn cần phải mang chứa tinh thần, văn hóa của dân tộc. Cả *Truyện Kiều* và *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du đều làm được điều đó theo cách rất riêng. Người đọc thương Kiều, xót xa cho Kiều không chỉ bởi cuộc đời chìm nổi thăng trầm của nàng, đau đớn cho những cô hồn không chỉ bởi họ lang thang đói rét vất vưởng mà dưới ngòi bút Nguyễn Du, chúng ta nhận ra dường như có bóng dáng con người mình trong đó, những suy tư, cách ứng xử của mình trong đó. Bởi, để làm rõ quan niệm “*Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu*”, Nguyễn Du đã mượn tín ngưỡng dân gian của người Việt như chất liệu quan trọng để khắc họa nên những phận đời thăng trầm chìm nổi. Bằng tài năng của mình, niềm tin vào các thế lực siêu nhiên, vào sự tồn tại của linh hồn con người sau khi chết trong tín ngưỡng dân gian người Việt được Nguyễn Du lồng ghép, miêu tả vừa tài tình vừa tinh tế. Vì thế, đã phát huy tác dụng tối đa khi đem lại ý nghĩa rất riêng cho mỗi tác phẩm nhưng lại tạo sự gần gũi chung cho mọi người đọc. Nói khác hơn, sức sống lâu bền và giá trị của *Truyện Kiều*, của *Văn chiêu hồn* có phần đến từ điểm tựa là tín ngưỡng dân gian. Ngược lại, qua hai tác phẩm, tín ngưỡng dân gian lại càng được khẳng định vai trò, vị thế không chỉ trong văn học mà còn trong dòng chảy văn hóa của cả dân tộc.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Đào, D. A. (1974). *Từ điển Truyện Kiều*. NXB. Khoa học Xã hội.

- Đỗ, T. H. (Biên khảo). (2006). *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadiere chủ bút tạp chí Bulletin Des Amis Du Vieux Hue Đô Thành Hiếu Cổ (1914-1944)*. NXB Thuận Hóa.
- Hoàng, T. T. X. (2010). *Văn hóa tâm linh trong “Truyện Kiều” và “Văn chiêu hồn” của Nguyễn Du* [Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Văn học, Đại học Sư phạm TP HCM].
- Mai, T. H. (2006). *Từ điển tín ngưỡng tôn giáo*. NXB. Văn hóa thông tin.
- Nại Hà. (2020). Trong Wikipedia. https://vi.wikipedia.org/wiki/N%E1%BA%A1i_H%C3%A0
- Ngô, V. D. (Tuyển chọn và biên tập). (1999). *Đến với những chân dung Truyện Kiều*. NXB. Thanh Niên.
- Ngô, Đ. T. (Chủ biên). (2012). *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. NXB. Trẻ.
- Nguyễn, Q. T. (Hiệu đính và chú giải). (1996). *Nguyễn Du toàn tập (tập 2)*. NXB. Văn học.
- Nguyễn, T. N. (2004). *Bản chất và đặc trưng tín ngưỡng dân gian trong lễ hội cổ truyền Việt Nam*. <https://drive.google.com/file/d/12wJmt1WnUjv8F73W5D7idYqlj4YrQO5l/view>
- Phạm, Đ. Q. (2015). *Về những thủ pháp trong nghệ thuật văn chương truyện Kiều*. NXB. Thanh niên.
- Tylor, E. B. (2001). *Văn hóa nguyên thủy*. NXB. Văn hóa nghệ thuật.